

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên yêu cầu về các sản phẩm đầu ra được nêu tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT, Chủ đầu tư phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ;
- Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc;
- Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ;
- Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ;
- Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT;
- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động (nếu có);
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì (nếu có);
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có): các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) như: việc sử dụng các vật tư, vật liệu; biện pháp tổ chức thi công; dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Trường hợp cần yêu cầu về xuất xứ vật tư, vật liệu, nguyên liệu phục vụ cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn thì Chủ đầu tư quy định xuất xứ của vật tư, vật liệu, nguyên liệu theo nhóm nước, vùng lãnh thổ quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đấu thầu. Nhà thầu phải chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam; nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu xuất xứ Việt Nam theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu thì nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu không phải là xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại;
- Các yếu tố cần thiết khác.

#### **3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt :**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSĐT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

***Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo phương pháp đạt/không đạt:***

**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THEO PHƯƠNG PHÁP “ĐẠT”,  
“KHÔNG ĐẠT”**

**1. Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ:**

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng  |                        |
|------------------|---|------------------------|
|                  | 1.1. Tính hiệu quả của việc việc cung cấp Dịch vụ     | Nêu được tính hiệu quả |
|                  | Không nêu hoặc nêu sơ sài, không phù hợp với gói thầu | Không đạt              |
| Kết luận         | Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt.           | Đạt                    |
|                  | Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt            | Không đạt              |

**2. Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc:**

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng  |  |
|--|---|--|
|  | 2.1 Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc | Nêu được mục đích công việc phù hợp với tính chất công việc của gói thầu, có sự am hiểu về gói thầu.<br><br>Cam kết trường hợp đột xuất như các ngày Lễ, hội và các hoạt động chính trị của xã trong năm, phải phục vụ đảm bảo vệ sinh môi trường xanh, sạch, đẹp hoặc tạo ra điểm nhấn mỹ quan cơ quan. |
| Không nêu hoặc nêu sơ sài, không phù hợp với gói thầu.<br><br>Không có cam kết trường hợp đột xuất như các ngày Lễ, hội và các hoạt động chính trị của xã trong năm, phải phục vụ đảm bảo vệ sinh môi trường |   | Không đạt  |

|                 |  |                  |
|-----------------|--|------------------|
|                 | xanh, sạch, đẹp hoặc tạo ra điểm nhấn mỹ quan cơ quan. |                  |
| <b>Kết luận</b> | <b>Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt.</b>     | <b>Đạt</b>       |
|                 | <b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>      | <b>Không đạt</b> |

**3. Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ:**

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>   |                  |
|---|---|------------------|
| 3.1. Kế hoạch triển khai  | Có kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ một cách khoa học, hợp lý, phù hợp với phạm vi cung cấp dịch vụ của gói thầu.   | Đạt              |
|   | Không có kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ hoặc có nhưng không hợp lý, phù hợp với phạm vi cung cấp dịch vụ của gói thầu.  | Không đạt        |
| 3.2 Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện dịch vụ theo phạm vi cung cấp của gói thầu tại mẫu số 01A chương IV | Có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện dịch vụ hợp lý, phù hợp với điều kiện thi công thực tế, hồ sơ dự toán được phê duyệt và tuân thủ quy trình, quy phạm, định mức được ban hành, phù hợp với chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V.   | Đạt              |
|   | Không có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện dịch vụ hoặc có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện dịch vụ không hợp lý, không phù hợp với điều kiện thi công thực tế, hồ sơ dự toán được phê duyệt và không tuân thủ quy trình, quy phạm, định mức được ban hành, không phù hợp với chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V. | Không đạt        |
| 3.3 Công tác đảm bảo giao thông trong quá trình thi công: Bố trí rào chắn, biển báo...                                  | Có biện pháp bảo đảm giao thông hợp lý, khả thi khi thi công.   | Đạt              |
|   | Không có biện pháp bảo đảm giao thông hoặc có mà không hợp lý, khả thi khi thi công.  | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>   | <b>Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt.</b>  | <b>Đạt</b>       |
|   | <b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>   | <b>Không đạt</b> |

**4. Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện:**

| <b>Nội dung yêu cầu</b>                                  | <b>Mức độ đáp ứng</b>  |                  |
|--|--|------------------|
| 4.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong cung ứng dịch vụ | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất biện pháp cung ứng dịch vụ | Đạt              |
|  | Không đáp ứng yêu cầu  | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>  | <b>Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt.</b>   | <b>Đạt</b>       |
|  | <b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>  | <b>Không đạt</b> |

**5. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ:**

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>   |                  |
|---|---|------------------|
| 5.1. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ | Có thuyết minh trình bày chi tiết, cụ thể về việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn phù hợp để thực hiện gói thầu | Đạt              |
|   | Không thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng không hợp lý  | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>   | <b>Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt.</b>  | <b>Đạt</b>       |
|   | <b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>   | <b>Không đạt</b> |

**6. Tiến độ thực hiện:**

| <b>Nội dung yêu cầu</b>  | <b>Mức độ đáp ứng</b>  |           |
|--|--|-----------|
| 6.1. Thời gian thi công: Đảm bảo thời gian cung cấp dịch vụ không quá thời gian yêu cầu của E-HSMT có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công. | Đề xuất thời gian thực hiện cung cấp dịch vụ không vượt quá yêu cầu của E-HSMT ngày có tính đến điều kiện thời tiết. | Đạt       |
|  | Đề xuất về thời gian thực hiện cung cấp dịch vụ vượt quá thời gian quy định trong E-HSMT.                            | Không đạt |

|  |  |                  |
|--|--|------------------|
| 6.2. Tính phù hợp:<br>a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công<br>b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).  | Đạt              |
|  | Không đáp ứng yêu cầu trên   | Không đạt        |
| 6.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT              | Có Biểu tiến độ thi công chi tiết tổng thể và cụ thể cho từng hạng mục công việc hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT. | Đạt              |
|  | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không đáp ứng với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT.                             | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>  | <b>Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt.</b>   | <b>Đạt</b>       |
|  | <b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>  | <b>Không đạt</b> |

### 7. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

| Nội dung yêu cầu  | Mức độ đáp ứng   |           |
|---|--|-----------|
| <b>7.1. An toàn lao động</b>  |  |           |
| Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và E-HSMT. | Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT và Quy định hiện hành.   | Đạt       |
|   | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không đầy đủ theo quy định. | Không đạt |
| <b>7.2. Phòng cháy, chữa cháy</b>   |  |           |

|  |  |           |
|--|--|-----------|
| Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và E-HSMT | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT.   | Đạt       |
|  | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT.      | Không đạt |
| <b>7.3. Vệ sinh môi trường</b>   |  |           |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công       | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT.  | Đạt       |
|  | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT. | Không đạt |
| Kết luận   | <b>Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt.</b>   | Đạt       |
|  | <b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>  | Không đạt |

### 8. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu  | Mức độ đáp ứng   |
|---|--|
| <b>8.1. Uy tín của nhà thầu</b>   |  |
| Uy tín của nhà thầu trong việc thực hiện các gói thầu trong thời gian 05 năm gần đây tuân thủ điều 20 nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP<br>- Có văn bản cam kết kèm theo:<br>a) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, |
|   | Đạt  |

hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của Nghị định này;

c) Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định này;

d) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;

e) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

g) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;

h) Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

i) Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu xây lắp, PC, phần xây lắp trong gói thầu EC theo cam kết trong đơn dự thầu đối với đấu thầu trong nước.

k) Nhà thầu không bị chủ đầu tư/tổ chuyên gia hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận hoặc ra thông báo hoặc báo cáo đánh giá nhà thầu có hành vi gian lận cung cấp thông tin không trung thực trong đấu thầu theo Luật Đấu thầu

|                 |  |                  |
|-----------------|--|------------------|
|                 | Không đáp ứng yêu cầu trên                         | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b> | <b>Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt.</b> | <b>Đạt</b>       |
|                 | <b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>  | <b>Không đạt</b> |

**9. Các yếu tố khác:**

| <b>Nội dung yêu cầu</b> | <b>Mức độ đáp ứng</b>   |                  |
|-------------------------|---|------------------|
| <b>9.1. Xử lý sự cố</b> |   |                  |
| Xử lý sự cố.            | -Có phương án tổ chức tiếp nhận và xử lý kịp thời các sự cố trong quá trình cung cấp dịch vụ, thông tin nóng do người dân phản ánh. Có phương án giải quyết nhanh chóng các khiếu nại của đối tượng được cung ứng dịch vụ (Người dân) | Đạt              |
|                         | -Không đáp ứng yêu cầu  | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>         | <b>Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt.</b>  | <b>Đạt</b>       |
|                         | <b>Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt</b>   | <b>Không đạt</b> |

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6,7,8 và 9 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7,8 và 9 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.